

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/DS-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2024
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Phước Công và ông Lê Văn Phụng.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhật Huy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 05 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 252/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: số B, đường số A, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt;

- Bị đơn: Ông Trần Mạnh T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2023, trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án của ông Nguyễn Đ như sau: giữa ông Nguyễn Đ và ông Trần Mạnh T là bạn bè, nên khi ông T hỏi vay tiền để đáo hạn ngân hàng ông đã đồng ý cho ông T vay với số tiền 400.000.000 đồng. Ngày 01/01/2022, ông và ông T đã lập văn bản ghi nhận nợ với hình thức “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền”, ông T đã ký, lăn tay vào văn bản này, nên ông Đ đã thực hiện chuyển khoản cho ông T số tiền 400.000.000 đồng theo thỏa thuận; thỏa thuận thời hạn

vay là 01 năm tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2023, mức lãi suất thỏa thuận theo quy định pháp luật tương ứng là 20%/năm, những thỏa thuận đều quy định rõ tại “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền. Tuy nhiên, sau ngày 01/01/2023 ông Đ có liên hệ với ông T để yêu cầu trả nợ và lãi mà ông và ông T đã thỏa thuận, nhưng ông T không thực hiện, trốn tránh, nhiều lần hứa hẹn nhằm mục đích không trả tiền cho ông. Do vậy, ông Nguyễn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Mạnh T phải trả lại cho ông số tiền vay là 400.000.000 đồng;

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Mạnh T phải trả cho ông lãi trên nợ gốc chưa trả tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2023 (12 tháng) với mức lãi suất 20%/năm với số tiền là 80.000.000 đồng;

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Mạnh T phải trả cho ông số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2023 đến khi Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét xử sơ thẩm tạm tính đến ngày 31/12/2023 (12 tháng) với mức lãi suất 10%/năm, với số tiền 40.000.000 đồng;

- Yêu cầu ông Trần Mạnh T phải trả cho ông số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 01/01/2023 đến khi Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm tạm tính đến ngày 31/12/2023 (12 tháng) với mức lãi suất 30%/năm (lãi suất nợ gốc chưa trả bằng 150% lãi suất cho vay), với số tiền 120.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông Trần Mạnh T phải trả cho ông là 640.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Trần Mạnh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nên không ghi nhận được ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 01/01/2022, bản xác nhận tài khoản của Ngân hàng TMCP Q chi nhánh B - Phòng G, sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có ngày 29/9/2023 của Ngân hàng TMCP Q chi nhánh B - Phòng G và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa:

- Tại phiên tòa ông Nguyễn Đ công nhận các tài liệu, chứng cứ đã công bố trong giai đoạn chuẩn bị xét xử là đúng, đồng thời cung cấp Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 01/01/2022 (bản chính); giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Đ phải thanh toán số tiền nợ 400.000.000 đồng, rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu ông T phải trả lãi đối với các yêu cầu về lãi suất: buộc ông Trần Mạnh T phải trả cho ông lãi trên nợ gốc chưa trả tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2023 (12 tháng) với mức lãi suất 20%/năm với số tiền là 80.000.000 đồng; buộc ông Trần Mạnh T phải trả cho ông số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2023 đến khi Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét xử sơ thẩm tạm tính đến ngày 31/12/2023 (12 tháng) với mức lãi suất 10%/năm, với số tiền 40.000.000

đồng; buộc ông **Trần Mạnh T** phải trả cho ông số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 01/01/2023 đến khi Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm tạm tính đến ngày 31/12/2023 (12 tháng) với mức lãi suất 30%/năm (lãi suất nợ gốc chưa trả bằng 150% lãi suất cho vay), với số tiền 120.000.000 đồng, với tổng số tiền rút yêu cầu là 240.000.000 đồng.

Đối với thỏa thuận về lãi suất, tại “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 01/01/2022”, do giữa ông **Nguyễn Đ** và ông **T** thỏa thuận không rõ lãi suất, nên ông xác định lãi suất được xác định là 10%/năm, nhưng do rút yêu cầu về tính lãi, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định việc tính lãi suất đối với khoản tiền gốc sau khi xét xử sơ thẩm là theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tại phần tranh luận: Ông **Nguyễn Đ** không tham gia phần tranh luận.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Đ**, buộc ông **Trần Mạnh T** trả cho ông **Nguyễn Đ** số tiền 400.000.000 đồng;

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của ông **Nguyễn Đ**.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi cho vay; mặc dù tại “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 01/01/2022, thể hiện ông **Trần Mạnh T** cư trú tại địa chỉ: **Tổ G, KP4, phường V, huyện T, tỉnh Bình Dương**, nhưng tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xác định: ông **T** hiện nay, cư trú tại **ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang**, điều này cũng phù hợp với nội dung về xác nhận thông tin cư trú ngày 21/02/2024, xác định ông **T** hiện đang cư trú tại **ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang**; theo nội dung hợp đồng vay tiền, thì giao kết giữa ông **Đ**, ông **T** là giao dịch dân sự, do đó xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g, h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thủ tục tố tụng, sự vắng mặt của đương sự:* Tòa án đã triệu tập đương sự hợp lệ. Tuy nhiên, ông **T** vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:* Hội đồng xét xử, xét thấy: Ngày 01/01/2022, ông **Nguyễn Đ** cho ông **Trần Mạnh T** vay số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), tại thời điểm vay ông **T** đang cư trú tại địa chỉ: **Tổ G, KP4, phường V, huyện T, tỉnh Bình Dương**, vay mục đích để ông **T** đáo hạn ngân hàng, ông **T** đã ký vào hợp đồng cho cá nhân vay tiền, ông **Đ** đã thực hiện chuyển khoản vào số tài khoản 65310000505425 tại **Ngân hàng TMCP Đ1**, chủ tài khoản là ông **Trần Mạnh T** từ số tài khoản 0392784764 chủ tài khoản là **Nguyễn Đ** cho ông **T** với số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) theo thỏa thuận tại “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 01/01/2022, với thời hạn vay từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2023, ông **Đ** đã chứng minh được việc chuyển khoản số tiền này thể hiện tại sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có ngày 29/9/2023, ông **Đ** xác định đến nay ông **T** chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên khi đến hạn thanh toán, ông **T** cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông **Trần Mạnh T** phải trả lại cho ông **Đ** số tiền vay là 400.000.000 đồng là có cơ sở, nên căn cứ các Điều 351, 352, 353, 463, 466 của Bộ luật Dân sự, ông **Trần Mạnh T** phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) cho ông **Nguyễn Đ** theo thỏa thuận.

[2.2] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/6/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] *Về yêu cầu lãi suất, tính lãi suất:* Tại phiên tòa, ông **Nguyễn Đ** tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: rút yêu cầu buộc ông **Trần Mạnh T** phải trả cho ông **Đ** lãi trên nợ gốc chưa trả tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2023 (12 tháng) với mức lãi suất 20%/năm với số tiền là 80.000.000 đồng; rút yêu cầu buộc ông **Trần Mạnh T** phải trả cho ông **Đ** số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2023 đến khi Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét xử sơ thẩm tạm tính đến ngày 31/12/2023 (12 tháng) với mức lãi suất 10%/năm, với số tiền 40.000.000 đồng; rút yêu cầu buộc ông **Trần Mạnh T** phải trả cho ông **Đ** số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 01/01/2023 đến khi Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm tạm tính đến ngày 31/12/2023 (12 tháng) với mức lãi suất 30%/năm (lãi suất nợ gốc chưa trả bằng 150% lãi suất cho vay), với số tiền 120.000.000 đồng, với tổng số tiền là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Việc rút yêu cầu khởi kiện của ông **Đ** là phù hợp với quy định

tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ các yêu cầu khởi kiện này của ông **Nguyễn Đ**,

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nên ông **Nguyễn Đ** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông **Nguyễn Đ** được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 351, 352, 353, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g, h khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 157; điểm c, khoản 1 Điều 217; các Điều 227, 228, 244, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Đ**; buộc ông **Trần Mạnh T** phải trả cho ông **Nguyễn Đ** với tổng số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng);

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/6/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện, đối với các yêu cầu: buộc ông **Trần Mạnh T** phải trả cho ông **Nguyễn Đ** lãi trên nợ gốc chưa trả tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2023 (12 tháng) với mức lãi suất 20%/năm với số tiền là 80.000.000 đồng; buộc ông **Trần Mạnh T** phải trả cho ông **Nguyễn Đ** số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2023 đến khi Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét xử sơ thẩm tạm tính đến ngày 31/12/2023 (12 tháng) với mức lãi suất 10%/năm, với số tiền 40.000.000 đồng; buộc ông **Trần Mạnh T** phải trả cho ông **Nguyễn Đ** số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 01/01/2023 đến khi Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm tạm tính đến ngày 31/12/2023 (12 tháng) với mức lãi suất 30%/năm (lãi suất nợ gốc chưa trả bằng 150% lãi suất cho vay), với số tiền 120.000.000 đồng; với tổng số tiền là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1. Hoàn trả ông **Nguyễn Đ** số tiền 14.800.000 đồng (mười bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0014894 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Chợ Mới.

2.2. Ông **Trần Mạnh T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), ông **Trần Mạnh T** có nghĩa vụ nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Phước Công Lê Văn Phụng

Nguyễn Trung Kiên